UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 92 /QĐ-SGTVT

Bắc Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi phù hiệu của phương tiện

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ- UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GTVT tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ báo cáo kết quả trích xuất dữ liệu giám sát hành trình trong tháng 01/2022 của Phòng QLVT PT&NL;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng QLVT PT&NL,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi phù hiệu có thời hạn 01 (một) tháng đối với 68 phương tiện (có danh sách trong Phục lục 1 kèm theo Quyết định này) do có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) trong tháng 01/2022.

Căn cứ thu hồi: theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

Điều 2. Yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải có tên trong danh sách Phụ lục 1 nghiêm túc thực hiện việc nộp phù hiệu bị thu hồi đối với phương tiện vi phạm của đơn vị về Sở GTVT tỉnh Bắc Giang thời gian chậm nhất ngày 05/3/2022 (thời gian thu hồi được tính từ ngày đơn vị nộp phù hiệu bị thu hồi về Sở). Trường hợp kéo dài thời gian hoặc không nộp lại phù hiệu bị thu hồi theo quy định sau ngày 05/3/2022 thì phù hiệu đó không còn giá trị sử dụng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Chánh Thanh tra Sở GTVT, Trưởng phòng QLVT PT&NL, Giám đốc các đơn vị vận tải và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở GTVT các tỉnh, TP (p/h);
- Phòng CSGT các tỉnh, TP (p/h) (phối hợp);
- P.CSGT- CA tỉnh Bắc Giang (p/h);
- Công an các huyện, thành phố (p/h);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH BẮC GIANG

Đỗ Thị Lan

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /02/2022 của Sở GTVT tỉnh Bắc Giang)

STT	BKS	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ	
				Lần	/1000 Km
1	98C19995	Xe tải	QUẢN VĂN CHIẾN	43	7,09753
2	98C08561	Xe đầu kéo	NGUYỄN ĐỨC NHUẬN	9	7,37294
3	98F00294	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI YÊN DŨNG	21	5,85378
4	98C20803	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI BẮC GIANG	81	28,59732
5	98C06100	Xe Container	HTX VẬN TẢI BẮC GIANG	65	15,19872
6	98C14666	Xe tải	HTX VẬN TẢI BẮC GIANG	57	9,20449
7	98C16568	Xe Container	HTX VẬN TẢI BẮC GIANG	23	5,28098
8	98B01614	Xe bus	HTX GIAO THÔNG VẬN TẢI YÊN THẾ	234	28,58798
9	98B02227	Xe bus	HTX GIAO THÔNG VẬN TẢI YÊN THẾ	197	23,69166
10	98B01604	Xe tuyến cố định	HTX GIAO THÔNG VẬN TẢI YÊN THẾ	44	5,96780
11	98B02896	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ GTVT BẮC GIANG	38	9,79485
12	98C19154	Xe Container	HỢP TÁC XÃ GTVT BẮC GIANG	49	8,76829
13	98H00279	Xe Container	HỢP TÁC XÃ GTVT BẮC GIANG	13	6,14733
14	98C08059	Xe Container	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN 668	185	17,49514
15	98C07751	Xe Container	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN 668	127	17,69740
16	98C04250	Xe Container	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN 668	122	8,97121
17	98C09921	Xe Container	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN 668	98	9,96685
18	98C19989	Xe Container	CÔNG TY TNHH&TM MINH ĐỨC	19	6,72012
19	98B02215	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH&TM MINH ĐỨC	12	10,01214
20	98C15758	Xe Container	CÔNG TY TNHH&TM MINH ĐỨC	8	8,00000
21	98C21840	Xe tải	CÔNG TY TNHH VT QT ĐẠI LÂM MỘC	8	8,00000
22	98C08476	Xe Container	CÔNG TY TNHH TMVT TOÀN CHUNG	163	26,00129
23	98H00431	Xe Container	CÔNG TY TNHH TMTH&VT THẮNG LỢI	11	11,00000
24	98C10502	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TMTH&VT HOÀNG LINH	67	9,56868
25	98C07845	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TMTH&VT HOÀNG LINH	54	5,98736
26	98H00667	Xe tải	CÔNG TY TNHH TMDV VẬN TẢI HOÀNG ÁNH	23	5,05910

STT	BKS	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ	
				Lần	/1000 Km
27	98C21231	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TM&XD CƯỜNG SÁU	22	7,93107
28	98H01437	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM VTDL TUẤN LOAN	8	5,63285
29	98C23303	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TM VT HÙNG VĨ	25	8,01476
30	98H00052	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM VÀ VT HÀNG HÒA HẢI ĐẠT	24	16,75733
31	98C22522	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM VÀ VT HÀNG HÒA HẢI ĐẠT	16	16,00000
32	98C21905	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM VÀ VT HÀNG HÒA HẢI ĐẠT	7	5,81275
33	98H00822	Xe Container	CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG HUÂN	23	8,80524
34	98C10210	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH THIÊN AN PHÚC	20	6,62024
35	98H00771	Xe Container	CÔNG TY TNHH SXVTTM&XNK BÍCH THỦY	131	36,00401
36	98H00866	Xe Container	CÔNG TY TNHH SXVTTM&XNK BÍCH THỦY	28	5,22522
37	98C22361	Xe Container	CÔNG TY TNHH SX&TM PHONG SINH	13	6,09548
38	98C00272	Xe tải	CÔNG TY TNHH SX TMDV TIẾN THÀNH	13	5,33337
39	98B02075	Xe bus	CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG KHÁNH	10	8,20821
40	98C10676	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTVTM HIẾU CHUNG	37	5,65345
41	98C07757	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV VT&TM ĐỨC HẠNH	29	5,55961
42	98C07097	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TM VT&VLXD THANH TÙNG	75	6,30693
43	98C06294	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TM VT&VLXD THANH TÙNG	13	7,57843
44	98C07076	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TM DV HẰNG LONG	61	16,10034
45	98C22041	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TIỀN PHƯƠNG BẮC	63	13,92370
46	98C13812	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TIỀN PHƯƠNG BẮC	52	44,38781
47	98C19043	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV PHƯỢNG LÝ	30	10,80978
48	98C08779	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV PHƯỢNG LÝ	22	19,57699
49	98C12572	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV PHƯỢNG LÝ	8	6,55022
50	98C06064	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV HẢI THANH	48	6,81898
51	98H00445	Xe Container	CÔNG TY TNHH KDVT HOÀNG TIẾN	73	24,84311
52	98C07508	Xe Container	CÔNG TY TNHH KDVT HOÀNG TIẾN	54	8,78198
53	98H00160	Xe Container	CÔNG TY TNHH KDVT HOÀNG TIẾN	49	10,31720
54	98C22930	Xe Container	CÔNG TY TNHH KDVT HOÀNG TIẾN	48	6,86187
55	98C09906	Xe Container	CÔNG TY TNHH KDVT HOÀNG TIẾN	39	8,67037

STT	BKS	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ	
				Lần	/1000 Km
56	98C09795	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH KDVT ĐẠI VIỆT	97	15,74497
57	98C03874	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH KDVT ĐẠI VIỆT	37	6,92319
58	98C16049	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH KDVT ĐẠI VIỆT	24	10,45600
59	98H01203	Xe Container	CÔNG TY TNHH HP BẮC GIANG	13	10,09279
60	98B02237	Xe bus	CÔNG TY TNHH HIỆP ANH	375	46,51366
61	98B02290	Xe bus	CÔNG TY TNHH HIỆP ANH	73	12,46234
62	98B02430	Xe bus	CÔNG TY TNHH HIỆP ANH	22	5,97147
63	98C15252	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH DV&TM TRƯỜNG XUÂN	88	13,21006
64	98H01241	Xe Container	CÔNG TY TNHH ĐỨC THẮNG	45	10,57479
65	99C09082	Xe Container	CÔNG TY TNHH ĐỨC THẮNG	6	6,00000
66	98H00797	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH CHIẾN ĐẠI THẮNG	86	15,56180
67	98H01414	Xe Container	CÔNG TY CỔ PHẦN NGỌC QUỲNH	41	9,12766
68	98H00289	Xe Container	CÔNG TY CỔ PHẦN NGỌC QUỲNH	26	5,76869